CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh

Ngày 31/12/2025	8,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.3%	**14.3%**	**17.6%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,400 - 10,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	160
Số lượng CPLH (CP)	19,999,933
KLGD BQ 20 phiên (CP)	180
Sở hữu nước ngoài	1.8%
Beta	0.41
EPS	90
P/E	88.5

DT thuần
Q4/25
359
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 286| 391%
YoY: ▲ 270| 304%

LN thuần
Q4/25
1.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.95| 238%
YoY: ▲ 22.0| 107%

LN sau thuế
Q4/25
1.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.95| 265%
YoY: ▲ 20.2| 107%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
2.1%
YoY: +/-▲ 12.1%

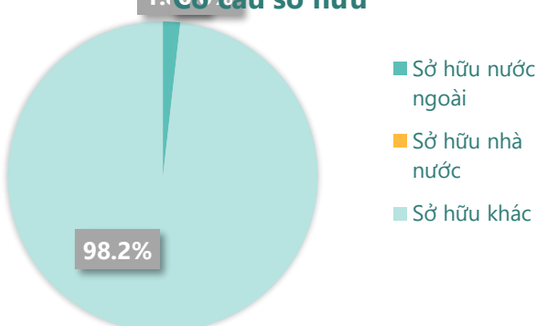
ROE
2025
1.9%
YoY: +/-▲ 90.8%

DT thuần
2025
518
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 268| 107%

LN thuần
2025
1.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 38.6| 104%

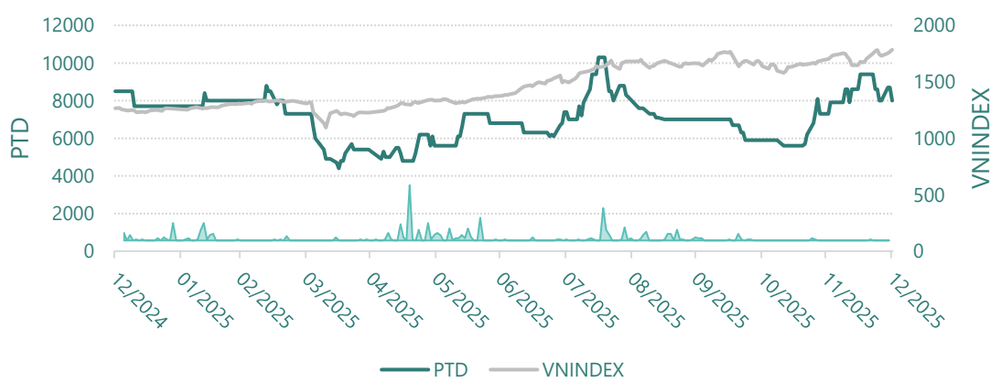
LN sau thuế
2025
1.81
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.5| 105%

Cơ cấu sở hữu

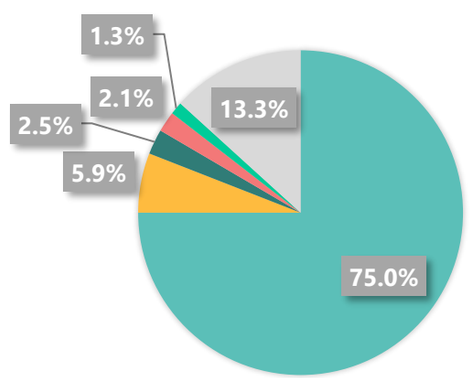


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

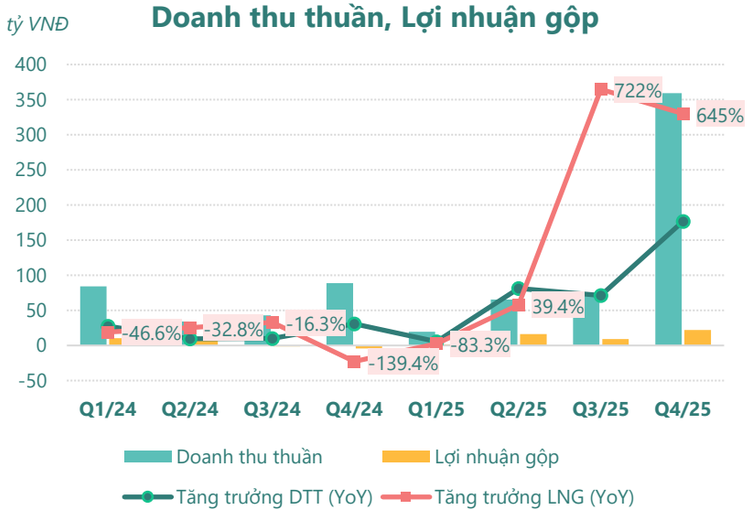


Công ty TNHH Hoàng Cát Tường
Tô Khải Đạt (Chủ tịch HĐQT)
Ngô Liên Đồng Hoàng Lan
Trần Ngọc Linh
Hồ Thanh Đức
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

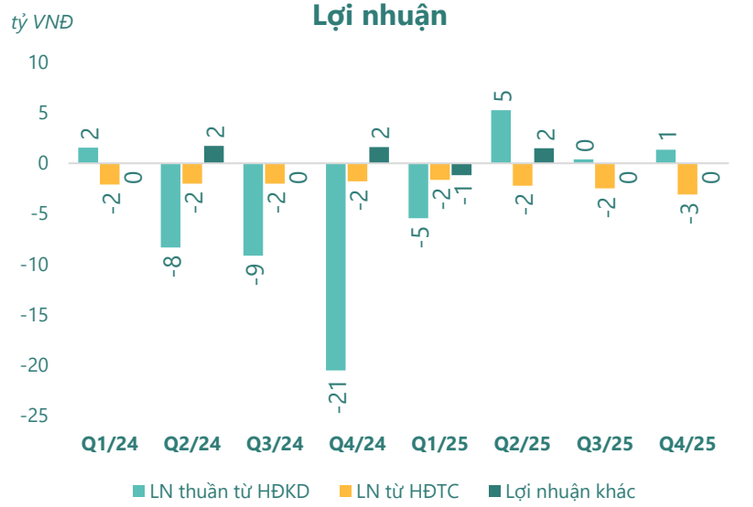
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



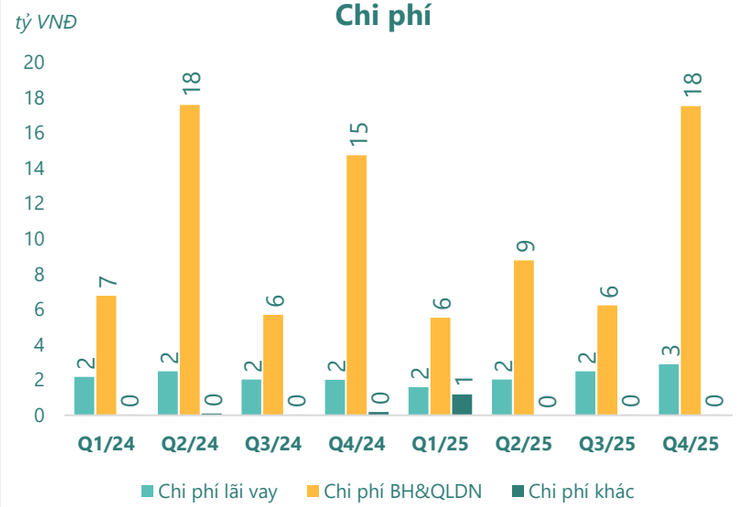
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



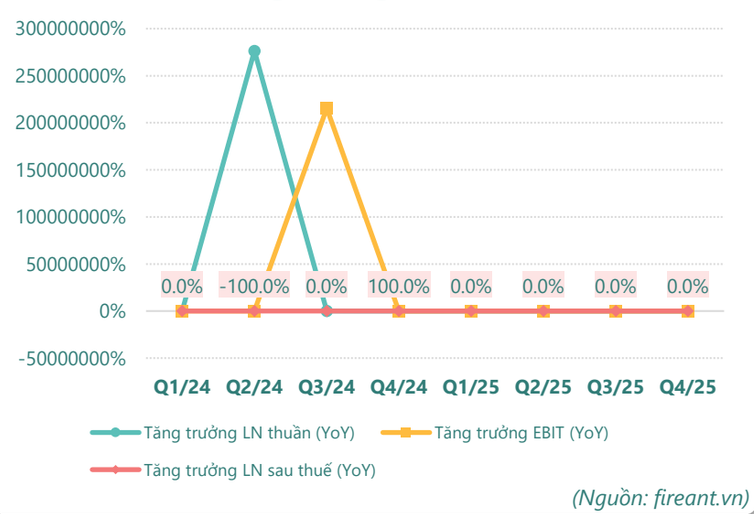
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



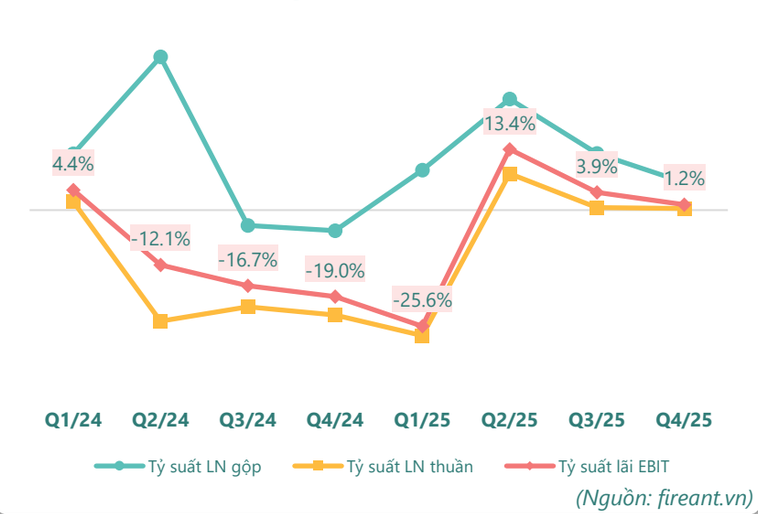
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



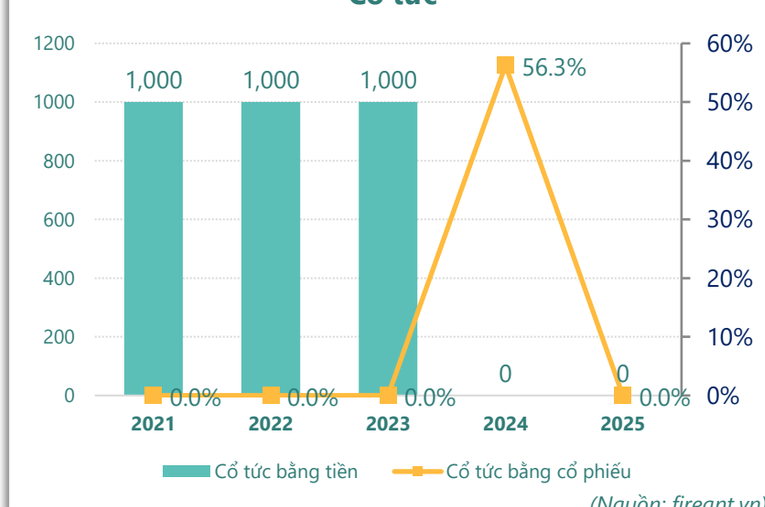
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

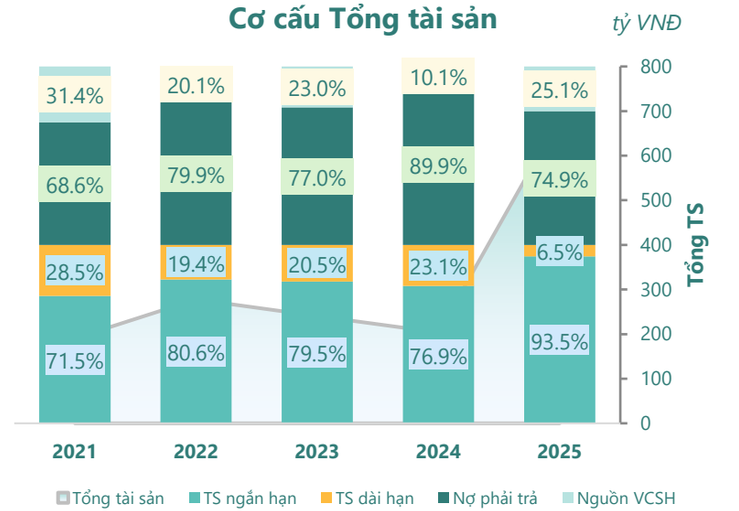
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

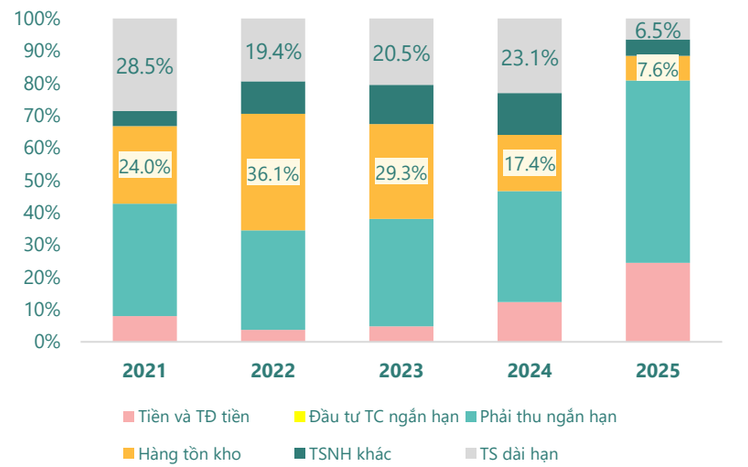
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



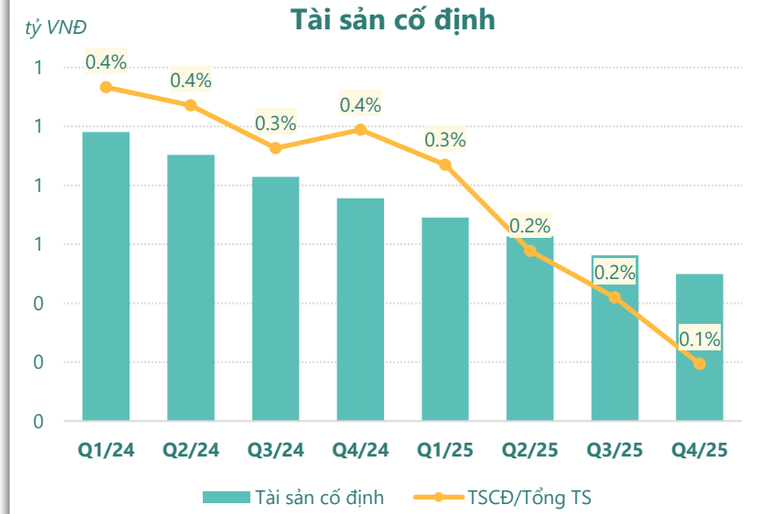
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



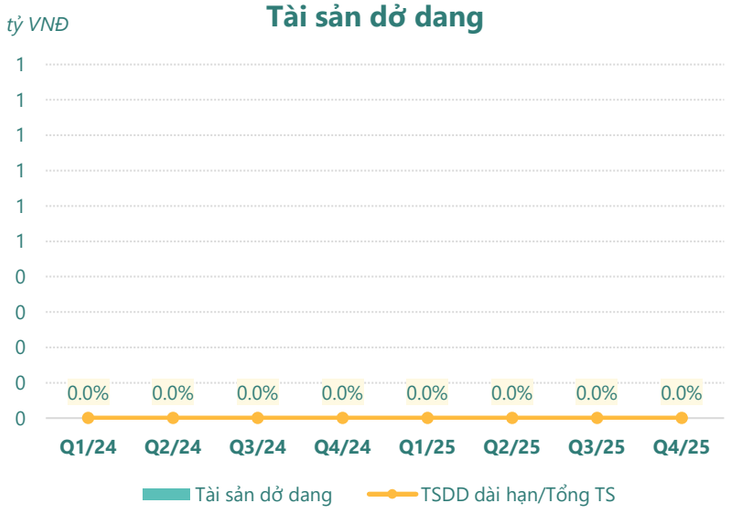
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



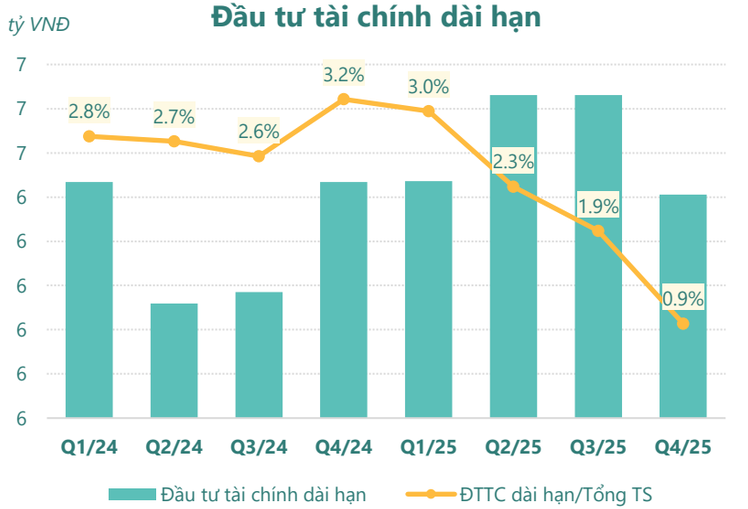
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



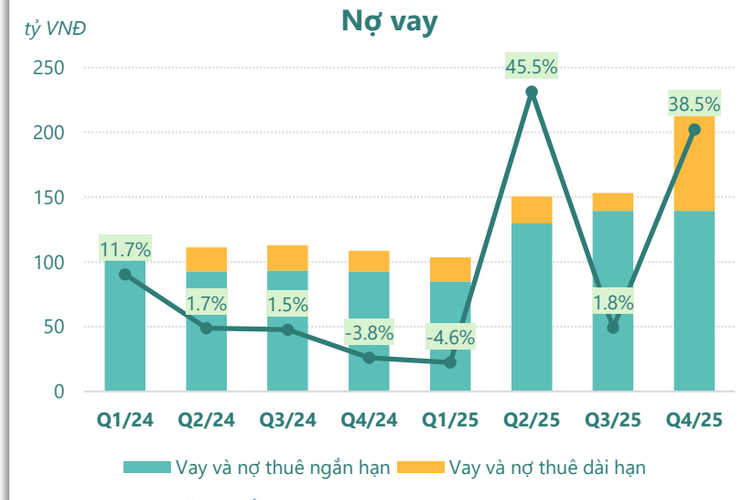
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

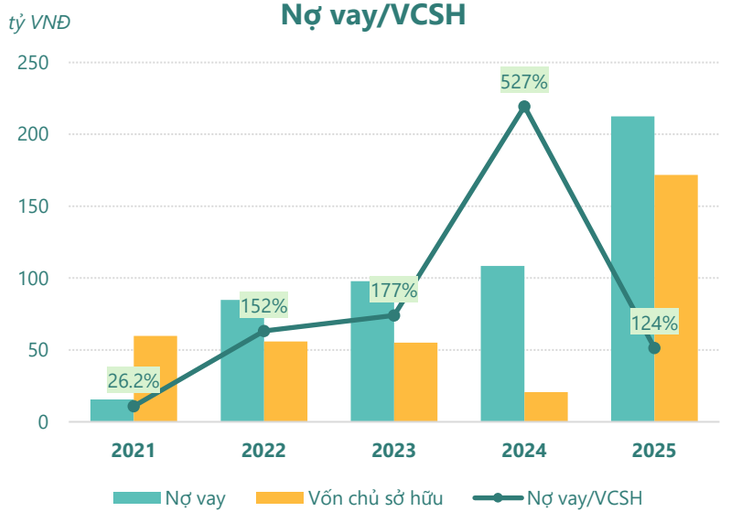
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

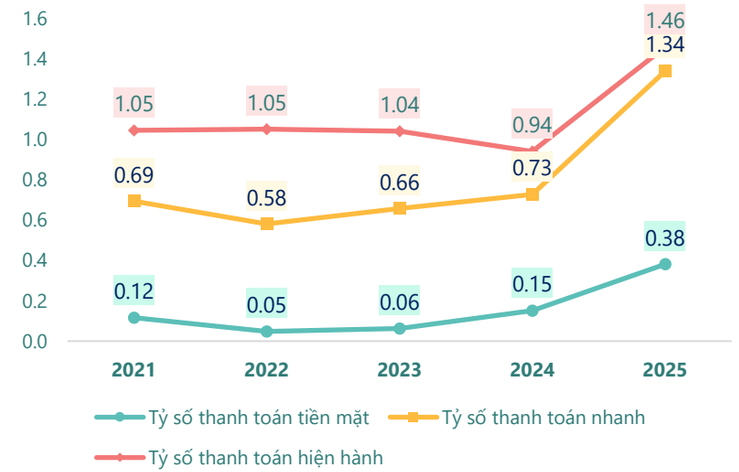
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



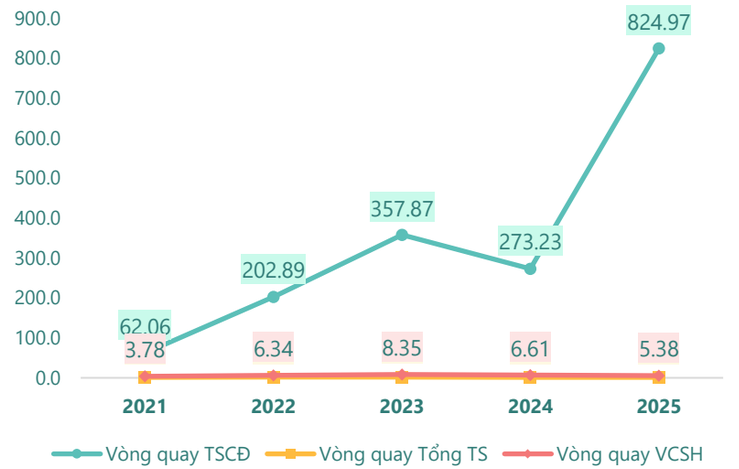
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



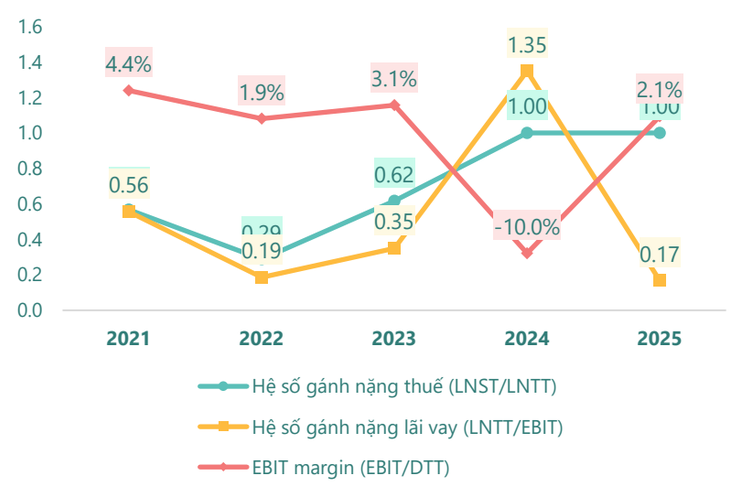
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



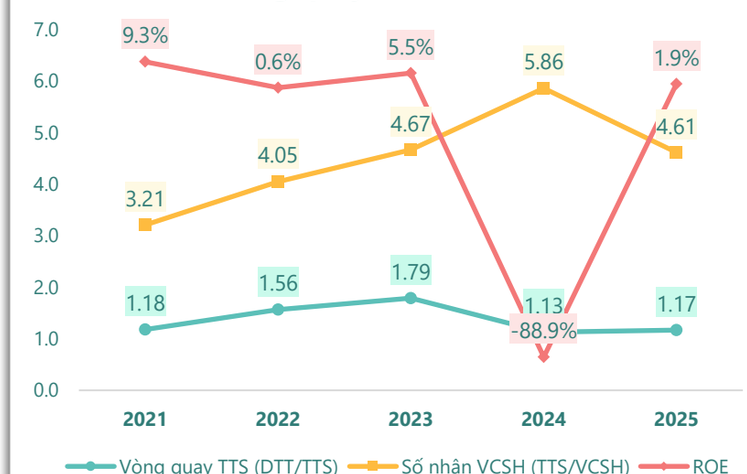
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



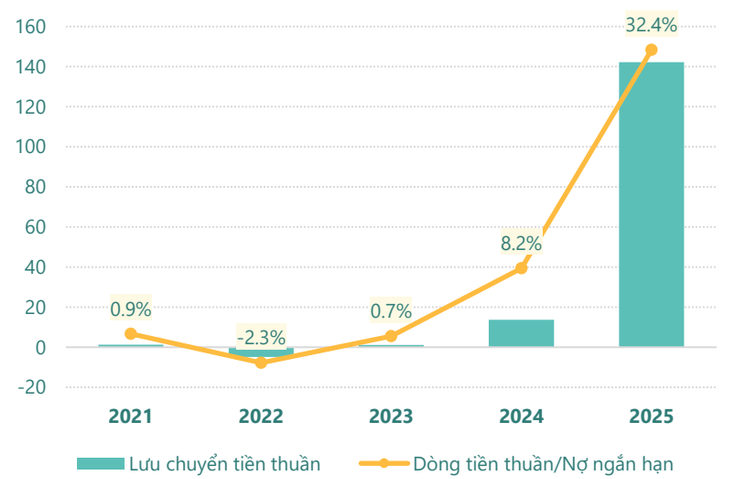
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**359**	**88.9**	**304%**	**518**	**250**	**107%**
Giá vốn hàng bán	337	93.0	263%	469	234	101%
Lợi nhuận gộp	22.0	-4.03	645%	48.9	16.5	197%
Doanh thu HĐTC	0.12	0.02	505%	0.30	0.58	-48.6%
Chi phí TC	3.21	1.81	77.4%	9.75	8.78	11.0%
Chi phí lãi vay	2.88	2.01	43.5%	9.00	8.71	3.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.19**	**0.00**	**8379%**
Chi phí bán hàng	1.20	0.64	87.8%	3.61	3.01	20.1%
Chi phí QLDN	**16.3**	**14.1**	**15.8%**	**34.5**	**42.2**	**-18.3%**
LN thuần từ HĐKD	1.35	-20.6	107%	1.57	-37.0	104%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**1.62**	**-102%**	**0.24**	**3.29**	**-92.7%**
LN trước thuế	1.31	-18.9	107%	1.81	-33.7	105%
Lợi nhuận sau thuế	**1.31**	**-18.9**	**107%**	**1.81**	**-33.7**	**105%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.31**	**-18.9**	**107%**	**1.81**	**-33.7**	**105%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	37.1	-4.13	-15.4	-45.5	-8.50	107
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.50	0.02	0.02	0.00	0.36	0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.88	-4.25	-5.04	47.1	2.76	59.0
Tiền đầu kỳ	5.83	33.6	25.1	4.74	6.31	0.94
Lưu chuyển tiền thuần	**27.7**	**-8.36**	**-20.4**	**1.57**	**-5.38**	**166**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	33.6	25.1	4.74	6.31	0.94	167

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**685**	**204**	**236%**
Tài sản ngắn hạn	640	157	309%
Tiền và tương đương tiền	167	25.1	566%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	386	69.9	453%
Hàng tồn kho	52.3	35.4	47.9%
Tài sản ngắn hạn khác	34.3	26.3	30.5%
Tài sản dài hạn	**44.6**	**46.9**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.50	0.76	-34.1%
Bất động sản đầu tư	37.4	39.4	-5.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.41	6.44	-0.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.31**	**0.40**	**-21.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	513	183	180%
Nợ ngắn hạn	**439**	**167**	**164%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	139	92.5	50.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	122	55.3	121%
Nợ dài hạn	73.7	16.4	349%
Vay và nợ thuê dài hạn	73.1	16.1	355%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**172**	**20.6**	**734%**
Vốn chủ sở hữu	**172**	**20.6**	**734%**
Vốn điều lệ	200	50.0	300%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)